TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số 2053 /NĐCP-KHĐTVT V/v báo giá vật tư sửa chữa lớn hệ thống vận chuyển và thải tro bay lò 1, lò 2	*Cẩm Phả, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

Kính gửi: Quý Công ty và các đơn vị quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý đơn vị trong thời gian qua.

Căn cứ Kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV trong đó có hạng mục Hệ thống vận chuyển và thải tro bay lò 1, lò 2 nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Để có cơ sở lập dự toán và lựa chọn được đơn vị thực hiện công việc trên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá vật tư theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý đơn vị xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Hình thức báo giá: gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp (có email kèm theo)

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Tổ 4, khu 4A phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh.

- Email: khdtvt.ndcp@gmail.com

- Điện thoại: 02033 731 030

- Cán bộ phụ trách nghiệp vụ: Trần Thị Minh Nguyệt, điện thoại 0984 475 686

- Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Phạm Ngọc Ánh, điện thoại 0973 878 232

Thời gian báo giá chậm nhất vào 15h00 ngày 10 tháng 7 năm 2025

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trang web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang web TKV (đăng tải);
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu VT, TTMN(2).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034 - 008
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Trần Văn Hoan

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

SỬA CHỮA LỚN HỆ THỐNG VẬN CHUYỂN VÀ THẢI TRO BAY LÒ 1, LÒ 2

(Đính kèm công văn số 2053 /NĐCP-KHĐTVT ngày 27/06/2025)

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cảm biến báo mức tro trong silo	Princo L2000-230VAC	cái	4.00	
2	Báo mức UWT NB4200	Độ chính xác: ±1dm Phạm vi đo: 0-30m Mức độ bảo vệ : IP66 Điện áp: 230V -50Hz; 2 wire 4-20mA (kèm màn hình riêng NT4700 hiển thị tại chỗ)	Bộ	2.00	
3	Tủ điều khiển	vật liệu Inox SUS 304 và có 2 cánh chống bụi, điều khiển cho 05 thiết bị có bảo vệ quá dòng quá tải, bó động cơ, chống chạy ngược chiều, đảo pha, mất pha, tiếp điểm cảnh báo, chống giật, đóng cắt thông qua tiếp điểm rơ le (01 động cơ 22kW, 01 động cơ 18,5kW, 01 động cơ 4kW, điều khiển 02 van khí nén 220VAC) tham khảo bản vẽ kỹ thuật và thực tế hiện trường.	Bộ	2.00	
4	Aptomat	MCCB ABN203C150A 30kA LS-HQ	Cái	2.00	
5	Dây cáp điện	0,6/1kV Cu/XLPE/PVC 3x50+1x25	m	70.00	
6	Dây PVC Cu	1x16mm	m	70.00	
7	Dây cáp điện	0,6/1kV Cu/XLPE/PVC 3x25+1x16	m	34.00	
8	Máng cáp có nắp	200x100x2mm	m	34.00	
9	Còi sên hơi điện (kèm bộ đổi nguồn)	Còi sên hơi điện (kèm bộ đổi nguồn)	Cái	2.00	
10	Đèn xoay cảnh báo	màu đỏ; 220VAC	Cái	2.00	
11	Dây điện	2x1.5mm Cadisun	m	50.00	
12	Cảm biến phễu tro mức cao RF-IMPEDANCE;	model RF88H5 GIA-ATH; 220VAC/50Hz/2W; 8A; IP65; 350-740mm	Cái	16.00	
13	Cảm biến phễu tro mức thấp RF-IMPEDANCE;	model RF88H5 GIA-ATL; 220VAC/50Hz/2W; 8A; IP65; 350-370mm	cái	16.00	
14	Van góc điều khiển bằng khí nén	CBH A2889B; DN40mm; G1-1/2"; PN25	cái	4.00	
15	Van góc điều khiển bằng khí nén	CBH A2889B; DN50mm; G1-1/2"; PN25	cái	8.00	

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
16	Bộ chia khí	5812280080 Bao gồm cả cuộn hút 43005429 4W và ti van 12Bar; 60oC	Bộ	16.00	
17	Bộ chia khí	5811280080 Bao gồm cả cuộn hút 43005429 4W và ti van 12Bar; 60oC	Bộ	4.00	
18	Dây khí nén	Φ12x1.5mm; L=2000mm có sẵn zắc nối 2 đầu	Cái	40.00	
19	Dây khí nén	Φ8x1.5mm; L=2000mm có sẵn zắc nối 2 đầu	cái	40.00	
20	Cảm biến nhiệt độ	PT100 WZP230; To=-20÷350oC; L=550mm	Cái	16.00	
21	Cảm biến áp lực Endress-hauser (Đức)	PMC 131-A15F1A1S NEMA4X IP65 NWP 26,7bar	Cái	6.00	
22	Van đĩa xoay	FRZR 644TC; DN125; t ≤ 200oC; 1.6Mpa (kèm ống nhún bảo vệ xilanh) của nhà sản xuất Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD)	Cái	4.00	
23	Bộ chia khí Airtac	4V220-08 220VAC; 0.15-0.8Mpa	Cái	8.00	
24	Van đĩa xoay	FRZR 644TC; DN150; t ≤ 200oC; 1.6Mpa (kèm ống nhún bảo vệ xilanh) của nhà sản xuất Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD)	Cái	4.00	
25	Tôn múi hoa sen	mầu xanh dầy 0,4mm	m2	48.00	
26	Thép hình	V40x40x3	m	48.00	
27	Van dao	inox DN300; loại van cổng.	Cái	2.00	
28	Van đĩa xoay	điều khiển bằng khí nén DN300, PN16 (kèm ống nhún, khớp giãn nở cao su bố vải DN300; L=150mm)	Cái	2.00	
29	Vòng bi	6306 2Z/C3	Vòng	4.00	
30	Phớt chắn dầu 30x45x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 30x45x10; VL: FKM	Cái	4.00	
31	Vòng bi 6213-N (rãnh phanh)	6213-N (rãnh phanh)	Vòng	2.00	
32	Vòng bi 6405	6405	Vòng	2.00	
33	Phớt chắn dầu 80x105x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 80x105x10; VL: FKM	Cái	4.00	
34	Phớt chắn dầu 55x80x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 55x80x10 VL: FKM	Cái	2.00	
35	Vòng bi 6215E	6215E	Vòng	2.00	
36	Vòng bi 6210E	6210E	Vòng	2.00	

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
37	Vòng bi RN 309 ECM đinh bi 86	RN 309 ECM đinh bi 86	Vòng	2.00	
38	Bánh xích Z25-1 D60	Z25-1 D60	Cái	2.00	
39	Bánh xích Z25-1 D55	Z25-1 D55	Cái	2.00	
40	Xích PHC80-1x10FT	PHC80-1x10FT	m	6.00	
41	Vòng bi 6314	6314	Vòng	4.00	
42	Phớt chắn dầu 70x95x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 70x95x10; VL: FKM	Cái	2.00	
43	Thép hình V50x50	V50x50	m	6.00	
44	Phớt chắn dầu 60x80x8	Phớtchắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 60x80x8; VL: FKM	Cái	4.00	
45	Bánh xích HGT Z19-2	Z19-2	Cái	4.00	
46	Xích lai	PHC 160-2x10FT	m	10.00	
47	Gudông kết nối động cơ và HGT	M24x120; Cấp bền 10.8	Bộ	8.00	
48	Vòng bi NSK 29322 Japan	NSK 29322 Japan	Cái	4.00	
49	Vòng bi NSK 22224 Came4 Japan	NSK 22224 Came4 Japan	Cái	8.00	
50	Cánh khuấy bộ trộn ẩm tro bay	VL: KmTBCr26; có bọc sứ chống mài mòn	Cái	112.00	
51	Buloong M16x70; 4.8	M16x70; 4.8	Bộ	239.68	
52	Bulong M12x70; 4.8	M12x70; 4.8	Bộ	64.00	
53	Ống thép đúc DN8, vật liệu 304 dầy 2,4	DN8, vật liệu 304 dầy 2,4	m	24.00	
54	Vòng bi 6312 2Z/C3	6312 2Z/C3	Cái	9.00	
55	Vòng bi 6212 2Z/C3	6212 2Z/C3	Cái	3.00	
56	Phớt chắn dầu 60x80x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 60x80x10; VL: FKM	Cái	6.00	
57	Vòng bi 3208	3208	Cái	2	
58	Vòng bi NJ 208	NJ 208	Cái	2	
59	Phớt chắn dầu 47x70x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 47x70x10; VL: FKM	Cái	8.00	
60	Dây curoa 5V-710	5V-710	Cái	12.00	
61	Quạt khí hóa.	Quạt khí hóa. Mã hiệu: BK6008; Áp lực làm việc: 0,08 Mpa.; Lưu lượng: 14,8m3/phút. (kèm 2 puly đầu nén và đầu động cơ)	Cái	2.00	
62	Túi lọc bụi công nghiệp	Polyester PE500; KT: DN125x2000mm (kích thước lỗ sàn D125)	Cái	216.00	

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
63	Van điện từ	Asco - 2/2 Pulse valve, mã danh điểm SCG353A044 (cuộn hút 24VAC)	Cái	30.00	
64	Bộ điều khiển van điện từ	DMK-3CSA-20	Cái	2.00	
65	Thép tấm dầy 3mm	dầy 3mm	m	5.00	
66	Ống thép	phi 27mm; dày 3mm	m	18.00	
67	Van 1 chiều DN80	DN80 (DN80; Inox304; Nhiệt độ: -5ºC ~ 250ºC; Áp suất làm việc: 20kg/cm2.)	Cái	2.00	
68	Van bướm tay gạt inox	inox (DN80; thân, đĩa, trục, tay của van: Inox304; Nhiệt độ: -5ºC ~ 250ºC; Áp suất làm việc: 20kg/cm2.)	Cái	5.00	
69	Van bướm Inox điều khiển khí nén;	DN80; Nguyên liệu thân: Inox 304; Nguyên liệu bộ khí: Inox304; Điều khiển: ON.OFF; Áp lực làm việc: 16bar; Áp lực khí nén: 1 ~ 8 bar; Nhiệt độ làm việc: -5 ~ 180 độ C;Tín hiệu tuyến tính: 4 ~ 20mA; Xuất xứ: Korean (Gồm cả bộ van chia khí điều khiển)	Cái	2.00	
70	Vòng bi: 6211 2Z/C3	6211 2Z/C3	Cái	4.00	
71	Vòng bi 6307 2Z/C3	6307 2Z/C3	Cái	8.00	
72	Phớt chắn dầu 35x65x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 35x65x10; VL: FKM	Cái	4.00	
73	Giảm chấn cao su đúc 6 múi D107xR52xC25	D107xR52xC25	Cái	2.00	
74	Phớt đá ID45	ID45	Bộ	1.00	
75	Phớt đá ID50	ID50	Bộ	1.00	
76	Cút góc 90 độ DN125mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1600mm	Cút góc 90 độ DN125mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1600mm	Cái	4.00	
77	Cút góc 90 độ DN150mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1800mm	Cút góc 90 độ DN150mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1800mm	Cái	14.00	
78	Cút góc 135 độ DN125mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1300mm	Cút góc 135 độ DN125mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1300mm	Cái	4.00	
79	Cút góc 135 độ DN150mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1400mm	Cút góc 135 độ DN150mm ống thép lót sứ ceramic chịu mài mòn dầy 4mm, lớp thép là 4mm L=1400mm	Cái	14.00	
80	Sơn chống rỉ (chống gỉ epoxy)	epoxy	kg	155.60	

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
81	Sơn phủ (mầu ghi epoxy)	epoxy màu ghi	kg	268.08	
82	Bộ gioăng làm kín Van đĩa xoay	FRZ 643TC; DN200; 1,0÷1,6Mpa; ≤200oC (1 bộ gồm gioăng, bạc lót, vòng bi, bề mặt làm kín van) nhà sản xuất Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD	Bộ	16.00	
83	Vòng bi 6209 2Z/C3	6209 2Z/C3	Cái	16.00	
84	Vòng bi 6309 HR8	6309 HR8	Cái	16.00	
85	Phớt chắn dầu 55x70x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 55x70x10; VL: FKM	Cái	16.00	
86	Phớt chắn dầu 50x67x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 50x67x10; VL: FKM	Cái	32.00	
87	Bộ xả khí pittong	SPGB/OLB khí nén Φ 100mm; Norgen; Type: SPGB/OLB/35256 Φ100÷200mm; 1-16bar; 80oC, 3/8 inch	bộ	16.00	
88	Van cân bằng áp suất	CBAS Z644TC-16C; DN80; 1,6Mpa; ≤200oC (Gồm cả pistong điều khiển) của nhà sản xuất Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD	cái	8.00	
89	Van chặn 1 chiều ống Ø90mm D160x3mm	Ø90mm; D160x3mm	Cái	4.00	
90	Van chặn 1 chiều ống Ø60mm D75x3mm	Ø60mm; D75x3mm	Cái	4.00	
91	Van chặn 1 chiều ống Ø34mm	Ø34mm	Cái	40.00	
92	Van chặn 1 chiều ống Ø21mm	Ø21mm	Cái	4.00	
93	Ống cao su bố vải Φ27mm; 20Bar	Φ27mm; 20Bar	M	40.00	
94	Ống cao su bố vải Φ21mm; 10Bar	Φ21mm; 10Bar	M	20.00	
95	Quai nhê Inox 1 vít D21-44mm	Inox 1 vít D21-44mm	Cái	30.00	
96	Quai nhê Inox 1 vít D14-27mm	Inox 1 vít D14-27mm	Cái	10.00	
97	Bộ gioăng làm kín Van đĩa xoay	FRZ 644TC; DN150; 1,6Mpa; chịu nhiệt đến 200oC (1 bộ gồm gioăng, bạc lót, vòng bi, bề mặt làm kín van) nhà sản xuất Zheng Zhou Free Fluid Control Technology Co.,LTD	Bộ	4.00	
98	Vòng bi 30307	30307	Cái	4.00	

STT	Tên vật tư/Thiết bị	Thông số, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
99	Phớt chắn dầu 45x62x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 45x62x10; VL: FKM	Cái	8.00	
100	Phớt chắn dầu 35x62x10	Phớt chắn dầu 2 lợi, chịu nhiệt đến 200oC; KT: 35x62x10; VL: FKM	Cái	8.00	
101	Quạt khí hóa	Áp lực gió thiết kế: 60kPa. Lưu lượng thiết kế: 3.21m3 /phút. Tốc độ quay: 1350 Vòng/ phút. (kèm theo 02 puly)	Cái	2.00	
102	Vòng bi 6208 2Z/C3	6208 2Z/C3	Cái	6.00	
103	Vòng bi 6208-2ZC3	6208-2ZC3	Cái	2.00	
104	Dây curoa 3V630	3V630	Cái	12.00	

***) Một số nội dung liên quan của báo giá:**

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.
- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2026